TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29-8-2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đàm Thị Hồng Nhung
2. Bà Đặng Thị Ngọc Bích

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyên – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 1- Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 -Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Tín - Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 254/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Trung K, sinh năm 1979; Căn cước công dân số: 079079019541 cấp ngày 26/12/2021; địa chỉ: A Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (Trước đây là Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) – Có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Bùi Thị Kiều N, sinh năm 1979; Căn cước công dân số: 080179015352 cấp ngày 121/12/2021; địa chỉ: H C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (Trước đây là phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại Đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Trung K trình bày:

Ngày 21/6/2004, ông và bà Bùi Thị Kiều N kết hôn trên cơ sở tự nguyện theo Giấy chứng nhận kết hôn số 112/2004, quyển số 01/P.12 cấp bởi Ủy ban nhân dân Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Trong thời gian sống chung, hai bên có nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong quan điểm cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến không hạnh phúc trong nhiều năm qua, hai bên không thể thông cảm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống, không còn dành tình cảm cho nhau. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng nhà bố mẹ chồng, từ năm 2015 bà N dẫn hai con ra sống riêng và vợ chồng sống ly thân đó cho đến nay. Trong suốt quá trình vợ chồng sống ly thân và đến khi ông nộp đơn xin ly hôn được Toà án thụ lý và giải quyết cho đến phiên toà, ông và bà N đã được Tòa án tạo điều kiện để hòa giải nhiều lần nhằm mục đích hàn gắn tình cảm nhưng cũng không mang lại kết quả. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề bao gồm:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn bà Bùi Thị Kiều N.

+ *Về con chung*: Quá trình sống chung vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hải Y, sinh ngày 15/7/2007 (Đã trưởng thành) và Nguyễn Phương L, sinh ngày 15/10/2011. Khi ly hôn, ông tôn trọng ý kiến của con về việc sống cùng vợ hoặc chồng sau ly hôn; trường hợp bà Bùi Thị Kiều N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là trẻ Nguyễn Phương L thì ông đồng ý; ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con 15.000.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ Nguyễn Phương L đủ 18 tuổi.

+ *Về tài sản chung:* Không có.

+ *Về nợ chung:* Không có.

*Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ toàn bộ yêu cầu khởi kiện nêu trên. Đối với ý kiến đề nghị hỗ trợ 1.500.000.000 đồng, nguyên đơn chỉ có khả năng hỗ trợ 100.000.000 đồng nếu bà N đồng ý nhận.

2. Tại bản khai đề ngày 08/01/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Bùi Thị Kiều N trình bày:

Bà xác nhận lời trình bày của ông Nguyễn Trung K về quá trình hai bên chung sống, kết hôn và phát sinh mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống là đúng. Vợ chồng kết hôn năm 2004 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (N là Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 112/2004, quyển số 01/P.12, cấp ngày 21/6/2004.

Quá trình sống chung, bà và ông K phát sinh nhiều mâu thuẫn về lối sống và cách nuôi dạy con, nên bà và các con đã dọn ra ngoài sinh sống, không sống chung với ông Bùi Trung K1 từ năm 2015 đến nay. Từ đó đến nay, bà luôn nỗ lực để nuôi dạy hai con chung.

Với yêu cầu xin được ly hôn của ông Bùi Trung K1, bản thân bà thấy rất buồn và chạnh lòng; vợ chồng đã có khoảng thời gian quen biết nhau từ khi còn là sinh viên, cùng nhau xây dựng gia đình cho đến khi có con nhưng, vì cuộc sống gia đình sau khi có con chung có nhiều khác biệt, phát sinh nhiều áp lực nên có những mâu thuẫn trong gia đình chưa thể hóa giải được. Tuy nhiên, bà mong thêm thời gian hàn gắn để gia đình hạnh phúc. Do đó, bà không đồng ý ly hôn với ông Bùi Trung K1, vì cho rằng còn có thể hàn gắn, bà muốn các con có một gia đình trọn vẹn và đầy đủ cha mẹ.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hải Y, sinh ngày 15/7/2007 (Đã trưởng thành) và Nguyễn Phương L, sinh ngày 15/10/2011. Nếu Toà án giải quyết cho ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu ông K1 cấp dưỡng nuôi con 30.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ *Về tài sản chung*: Không có.

+ *Về nợ chung:* Không có.

*Tại phiên tòa, bà vẫn giữ ý kiến không đồng ý ly hôn, bà chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện ông K1 hỗ trợ cho mẹ con bà 1 cây vàng tương đương 1.500.000.000 đồng, đó là tài sản của bà để lại sau khi mẹ con bà dọn ra khỏi nhà chồng mà được thông báo là bị mất (Bao gồm vàng cưới của vợ chồng, vàng do bố mẹ ruột của bà cho), ông K1 đề nghị được hỗ trợ 100.000.000 đồng thì bà không đồng ý nhận.

Bà đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con 15.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi như đề nghị của ông K1.

*3. **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến*** về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét và thẩm tra tại phiên toà là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đồng ý cho ông K1 được ly hôn với bà N. Về con chung: Đề nghị giao con chung Nguyễn Phương L, sinh ngày 15/10/2011 cho bà Bùi Thị Kiều N nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của ông K1 cấp dưỡng nuôi con 15.000.000 đồng/tháng. Tài sản chung và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

***Về pháp luật tố tụng**:*

[1] Ông Nguyễn Trung K và bà Bùi Thị Kiều N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (N là Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 112/2004, quyển số 01/P.12, cấp ngày 21/6/2004 nên được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp, nay trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông K có đơn yêu cầu ly hôn bà Bùi Thị Kiều N, bà N cư trú tại H C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***Về pháp luật nội dung*:**

[3] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Trung K và bà Bùi Thị Kiều N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến không hạnh phúc trong nhiều năm qua, hai bên không thể thông cảm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống, không còn dành tình cảm cho nhau. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng nhà bố mẹ chồng, từ năm 2015 bà N dẫn hai con ra sống riêng và vợ chồng sống ly thân đó cho đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông K yêu cầu được ly hôn với bà N

[3.1] Trong quá trình giải quyết bà Bùi Thị Kiều N không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn có thể hàn gắn, bà N muốn các con có một gia đình trọn vẹn và đầy đủ cha mẹ.

[3.2] Khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*.

[3.3] Nhận thấy, Nguyễn Trung K và bà Bùi Thị Kiều N đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, trong quá trình giải quyết tại Toà bà N không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn có thể hàn gắn muốn các con có một gia đình trọn vẹn và đầy đủ cha mẹ, tại phiên toà bà N đồng ý ly hôn nhưng phải có điều kiện hỗ trợ kèm theo. Xét thấy, tình cảm vợ chồng là tình cảm xuất phát từ hai phía, bà N không đồng ý ly hôn và cho rằng còn có thể hàn gắn nhưng trong suốt khoảng thời gian ly thân cho đến nay, ông K và bà N không trao đổi, không đưa ra giải pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm; Tòa án đã tạo điều kiện để hai bên có thời gian hàn gắn nhưng không có kết quả; nhận thấy, việc không sống chung, không

cùng nhau sẻ chia các vấn đề trong cuộc sống hôn nhân làm cho tình cảm giữa hai bên không còn, làm cho hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đo đó, yêu cầu của ông K xin được ly hôn với bà Kiều N là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung:

Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: " *Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con."*

Quá trình chung sống ông K và bà N có hai con chung là Nguyễn Hải Y, sinh ngày 15/7/2007 (Đã trưởng thành) và Nguyễn Phương L, sinh ngày 15/10/2011. Bà N yêu cầu được nuôi con chung sau ly hôn, đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con của ông Nguyễn Trung K là 15.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi; nguyện vọng của trẻ Nguyễn Phương L là mong muốn được sống chung với mẹ khi hai bên ly hôn.

Xét quyền lợi mọi mặt của con về phát triển thể chất, học hành và các điều kiện cho sự phát triển về tinh thần của con, hiện tại trẻ L đang sống cùng bà N; sự thoả thuận của hai bên là phù hợp với quyền và lợi ích của con chưa thành niên nên ghi nhận.

Sau khi ly hôn: Ông Nguyễn Trung K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai được quyền cản trở, nhưng hai bên không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bên còn lại.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

[5] Về tài sản chung: Không có

[6] Về nợ chung: Không có

Đối với việc tự nguyện hỗ trợ cho bà N 100.000.000 đồng của của ông K, bà N không đồng ý nhận nên Hội đồng xét xử không ghi nhận.

[7] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Ông Nguyễn Trung K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng

Bà Bùi Thị Kiều N không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- *Về hôn nhân:* Ông Nguyễn Trung K được ly hôn bà Bùi Thị Kiều N

- *Về con chung:* Giao con chung là trẻ Nguyễn Phương L, sinh ngày 15/10/2011 cho bà Bùi Thị Kiều N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Bùi Trung K1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 15.000.000 đồng, bắt đầu thực hiện từ ngày 01/9/2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày bà Bùi Thị Kiều N có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Trung K không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hằng tháng ông K còn phải trả thêm một khoản tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

-*Về tài sản chung:* Không có

- *Về nợ chung:* Không có

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Trung K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0040810 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh. Ông K còn phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Ông Nguyễn Trung K, bà Bùi Thị Kiều N có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TPHCM
- VKSND khu vực 1 -TPHCM;
- Phòng THADS khu vực 1 -TPHCM;
- UBND Phường Bảy Hiền, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ việc.

TAND KHU VỰC 1

NJM290825.TL.QDBA
1717

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phượng